

THIẾT KẾ VIDEO HỖ TRỢ HỌC HỌC PHẦN MÚA CƠ BẢN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON

ĐINH THỊ TRANG

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên

Nhận bài ngày 05/9/2025. Sửa chữa xong 14/10/2025. Duyệt đăng 15/10/2025.

Abstract

This article discusses the necessity and process of designing instructional videos to support students in learning the Basic Dance module within the early childhood education (ECE) teacher training program. As a practice-based and performance-oriented subject, Basic Dance benefits greatly from visual instructional materials that help learners observe, imitate, and retain dance movements effectively during self-study. Drawing on a survey of 334 students and relevant educational theories, the article proposes a six-step process for designing dance videos that meet pedagogical, aesthetic, and practical criteria. These instructional videos aim to enhance learning quality, foster self-directed learning competence, and align with the current demands of teacher education in early childhood pedagogy.

Keywords: Basic Dance, dance pedagogy, early childhood education, instructional video, self-directed learning, teacher training.

1. Đặt vấn đề

Múa là một trong những hình thức nghệ thuật lâu đời nhất của con người. Trong bối cảnh đào tạo giáo viên mầm non (GVMMN) tại Việt Nam, kỹ năng múa được xem là một phần quan trọng trong năng lực nghề nghiệp, góp phần vào sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Học phần Múa cơ bản thuộc chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục mầm non (GDMN), đóng vai trò quan trọng trong việc trang bị cho sinh viên (SV) những kỹ năng vận động nền tảng nhằm tổ chức các hoạt động nghệ thuật tại cơ sở giáo dục mầm non. Trường Đại học Tây Nguyên là một trong những cơ sở trọng điểm đào tạo GVMMN chất lượng cao để cung ứng cho khu vực Tây Nguyên. Hàng năm, Trường cung ứng cho ngành Giáo dục hàng trăm cử nhân ngành GDMN. SV ngành GDMN của Trường không chỉ cần nắm vững kiến thức và kỹ năng sư phạm mà còn luôn không ngừng sáng tạo, đổi mới trong việc học tập các phương pháp giảng dạy mới. Với đặc trưng là học phần thực hành, quá trình học múa chủ yếu dựa vào kênh thị giác và vận động, thay vì ngôn ngữ nói hay văn bản. Do đó, kỹ năng quan sát và mô phỏng trở thành yếu tố then chốt để SV tiếp thu và thể hiện kỹ thuật múa. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, sĩ số lớp đông và thời lượng học hạn chế khiến nhiều SV gặp khó khăn trong việc tiếp thu động tác chỉ qua thực hành trên lớp. Việc tích hợp video giảng dạy như một công cụ hỗ trợ sẽ góp phần giải quyết các thách thức trên, đồng thời tăng cường khả năng tự học và luyện tập tại nhà. Bài viết này đưa ra quy trình “Thiết kế video hỗ trợ học học phần Múa cơ bản trong chương trình đào tạo giáo viên mầm non” là điều cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận của thiết kế video hỗ trợ học phần Múa cơ bản

2.1.1. Khái niệm thiết kế

Thiết kế (design) được hiểu là quá trình hoạch định, tổ chức và xây dựng một sản phẩm, quy trình hoặc hệ thống nhằm đáp ứng các mục tiêu sử dụng cụ thể trong một bối cảnh nhất định. Thiết kế

Email: dttrang@ttn.edu.vn

không đơn thuần là tạo hình hay bố trí kỹ thuật mà là hoạt động mang tính tư duy chiến lược, kết hợp giữa sáng tạo và tính thực tiễn để tạo ra giải pháp hiệu quả cho một vấn đề đặt ra.

Theo Hoàng Phê thiết kế là “*Quá trình tổ chức các thành tố của một đối tượng hoặc hệ thống theo cách hợp lý và có mục đích*” [3, tr. 56]. Trong lĩnh vực giáo dục, thiết kế mang tính định hướng cho việc tổ chức dạy học, xây dựng học liệu, phát triển chương trình, thiết kế môi trường và công cụ hỗ trợ học tập.

2.1.2. Khái niệm video giảng dạy

Theo quan niệm của Tochon, video giảng dạy được xem là một phương tiện hỗ trợ dạy học trực quan, có khả năng mô hình hóa các hiện tượng, hành động hoặc tri thức mang tính trừu tượng, từ đó nâng cao năng lực tiếp nhận và ghi nhớ của người học [7, tr. 420-435]. Ở một góc nhìn khác, Branch định nghĩa video giảng dạy như một sản phẩm giáo dục tích hợp hình ảnh động, âm thanh và lời dẫn, được thiết kế nhằm phục vụ quá trình dạy học định hướng theo mục tiêu cụ thể [1, tr. 88].

Từ phương diện sư phạm, video giảng dạy không chỉ dừng lại ở vai trò minh họa cho nội dung bài học mà còn là một công cụ dạy học có tính cấu trúc và định hướng. Việc sử dụng video cho phép giảng viên tổ chức, kiểm soát và truyền tải kiến thức một cách khoa học, đồng thời khuyến khích người học tham gia tích cực vào quá trình tiếp thu. Nhờ đó, video giảng dạy trở thành cầu nối hiệu quả giữa lý thuyết và thực hành, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động dạy - học trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

2.1.3. Khái niệm video dạy múa

Video dạy múa (dance instructional video) là một loại hình học liệu trực quan được thiết kế nhằm truyền đạt các kiến thức, kỹ thuật và cảm thụ nghệ thuật múa thông qua hình ảnh động, âm thanh, lời dẫn và các yếu tố minh họa khác. Đây là sản phẩm kết hợp giữa nội dung chuyên môn nghệ thuật múa với các nguyên lý sư phạm và công nghệ số, giúp người học tiếp cận, quan sát, phân tích và luyện tập các động tác múa một cách trực tiếp và hiệu quả. Theo Trương Thị Tâm Chung: Khác với video biểu diễn nghệ thuật đơn thuần (performance video), video dạy múa mang tính chất hướng dẫn có hệ thống, thường được tổ chức theo các đơn vị học tập (bài, phần, chủ đề), phù hợp với mục tiêu giảng dạy và trình độ người học. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, đặc biệt là đào tạo GVMN, video dạy múa trở thành một công cụ học liệu quan trọng, hỗ trợ cả hoạt động học tập trên lớp và tự học ngoài giờ [5, tr. 23-25].

2.1.4. Tổng quan về học phần Múa cơ bản

Tại Trường Đại học Tây Nguyên, các học phần Múa có thời lượng 60 tiết thực hành, trong đó Múa cơ bản chiếm 30 tiết và được giảng dạy trong năm thứ nhất. Nội dung học phần bao gồm các kỹ thuật múa nền tảng dựa trên múa dân gian Việt Nam (dân tộc Kinh và một số dân tộc thiểu số). Đây là học phần bắt buộc trước khi SV học các học phần nâng cao như Lí luận và Phương pháp dạy múa cho trẻ. Do tính chất trình diễn của học phần, thành công trong việc tiếp thu môn học phụ thuộc lớn vào khả năng cảm thụ âm nhạc, độ chính xác kỹ thuật vận động và cảm nhận thẩm mỹ của SV. Tuy nhiên, lớp học đông thường khiến giảng viên khó có thể phản hồi cá nhân hóa cho từng SV. Việc sử dụng video hỗ trợ giảng dạy sẽ giúp SV học tập chủ động hơn và tiếp thu kỹ thuật hiệu quả hơn.

2.1.5. Chức năng của video dạy múa đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Trong bối cảnh đổi mới đào tạo GV theo định hướng phát triển năng lực, video dạy múa đóng vai trò như một công cụ học liệu quan trọng, hỗ trợ SV ngành GDMN tiếp cận hiệu quả với các nội dung thực hành mang tính trình diễn. Các chức năng chính của video dạy múa có thể được trình bày như sau: *Minh họa trực quan các kỹ thuật vận động*: Video cung cấp cho người học khả năng quan sát chính xác cấu trúc và quy luật chuyển động của các động tác múa, từ đó nâng cao khả năng mô phỏng, ghi nhớ và thực hiện. Với hình ảnh động, âm thanh đồng bộ và nhịp điệu rõ ràng, SV có thể nắm bắt động tác một cách trực quan và có hệ thống, vượt qua hạn chế của phương pháp truyền đạt bằng lời nói hoặc mô tả văn bản; *Tăng cường tính linh hoạt và khả năng tự học*: Khác với hình thức dạy học trực tiếp có

giới hạn về không gian và thời gian, video dạy múa cho phép người học luyện tập bất cứ lúc nào và ở bất cứ đâu, tùy theo tốc độ và nhu cầu cá nhân. SV có thể tua lại, dừng, lặp lại động tác nhiều lần, giúp củng cố kỹ năng và điều chỉnh lỗi sai trong quá trình thực hành, đặc biệt hữu ích đối với các học phần yêu cầu độ chính xác vận động cao như Múa cơ bản; *Hỗ trợ mô hình hóa vai trò người dạy trong lớp học đông*: Trong điều kiện lớp học đông, việc quan sát và tiếp cận mẫu hình động tác từ giảng viên bị hạn chế. Video dạy múa đóng vai trò như một mô hình mẫu thay thế, mang tính ổn định và nhất quán, giúp SV có thể quan sát đầy đủ từng động tác dù không trực tiếp đứng gần giảng viên. Ngoài ra, video còn phát huy hiệu quả trong mô hình học kết hợp (blended learning) và học trực tuyến, vốn ngày càng phổ biến trong bối cảnh giáo dục linh hoạt; *Phát triển cảm thụ thẩm mỹ và năng lực chuyên môn*: Thông qua tiếp xúc với hình ảnh động tác đẹp, âm nhạc phù hợp và cách tổ chức nội dung có tính nghệ thuật, video dạy múa góp phần nuôi dưỡng cảm nhận thẩm mỹ cho SV. Đây là cơ sở để hình thành phong cách biểu diễn, năng lực tổ chức hoạt động nghệ thuật cho trẻ và các phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của GVMN. Ngoài ra, việc học qua video còn giúp SV hình dung được cách dàn dựng, trình bày và dẫn dắt bài múa - những kỹ năng quan trọng trong thực hành sư phạm mầm non.

Như vậy, video dạy múa không chỉ là một hình thức học liệu trực quan mà còn là công cụ sư phạm đa chức năng, hỗ trợ SV ngành GDMN trong việc tiếp cận nội dung học tập theo cách linh hoạt, hiệu quả và thẩm mỹ. Việc khai thác tốt chức năng của video sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ GVMN đáp ứng yêu cầu giáo dục nghệ thuật trong thời đại số.

2.2. Thực trạng nhu cầu sử dụng video hỗ trợ học múa đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non

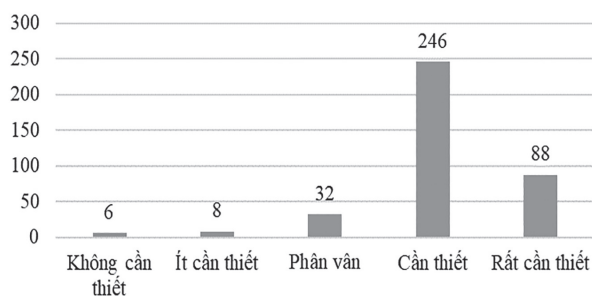
2.2.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Khảo sát được tiến hành 334 SV chuyên ngành GDMN tại Trường Đại học Tây Nguyên trong năm học 2024-2025. Về cơ cấu: Năm thứ 2: 128 SV (38,3%); năm thứ 3: 112 SV (33,5%); năm cuối: 94 SV (28,1%). Tất cả SV đều đã học các học phần liên quan đến Múa cơ bản; Lí luận và Phương pháp dạy múa.

Cỡ mẫu này phản ánh đặc thù giới tính và chuyên ngành trong đào tạo GDMN, đồng thời đảm bảo độ tin cậy cho việc phân tích.

2.2.2. Nhận thức về sự cần thiết khi sử dụng video hỗ trợ học múa đối với sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Để đánh nhận thức về sự cần thiết của việc đối với video hỗ trợ học múa cơ bản, tác giả thăm dò nhận thức của SV về sự cần thiết khi sử dụng video hỗ trợ học múa thông qua việc tự đánh giá theo thang Likert 5 mức độ và kết quả thu được trong biểu đồ dưới đây.



Biểu đồ: Nhận thức về sự cần thiết của video hỗ trợ học múa đối với SV ngành GDMN

Qua biểu đồ 1 ta thấy, SV tự đánh giá về mức độ cần thiết của việc học các video đối với việc học các học phần thực hành múa trải dài khắp các mức độ từ không cần thiết đến rất cần thiết. Có sự đa dạng trong việc đánh giá mức độ cần thiết của các video đối với học phần thực hành múa. Có 87,9% (246 SV) đánh giá kỹ thuật là cần thiết đến rất cần thiết đối với việc hỗ trợ các học phần Múa cơ bản.

2.2.3. Về kỹ năng vận động theo nhạc của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng vận động theo nhạc của SV có sự khác biệt đáng kể giữa các tiêu chí:

| Kỹ năng | Tỷ lệ đạt (Khá - Tốt) | Tỷ lệ chưa đạt (TB - Yếu) |
|--------------------------|-----------------------|---------------------------|
| Ghi nhớ động tác | 62,0% | 38,0% |
| Thực hiện đúng nhịp điệu | 55,4% | 44,6% |
| Biểu cảm khi vận động | 48,5% | 51,5% |
| Phối hợp nhóm/đội hình | 45,8% | 54,2% |
| Sáng tạo động tác | 37,1% | 62,9% |

Bảng 1: Kỹ năng vận động theo nhạc của SV

Dựa vào bảng 1 ta thấy, kỹ năng ghi nhớ động tác đạt kết quả cao nhất (62%). Điều này phản ánh khả năng tiếp thu qua hình ảnh và luyện tập lặp lại. Kỹ năng phối hợp nhóm và sáng tạo động tác là hai điểm yếu, khi có tới trên 50% SV chưa đạt yêu cầu. Đây là hạn chế thường gặp do quá trình đào tạo vẫn thiên về bắt chước động tác mẫu, ít tạo cơ hội cho SV phát triển tư duy sáng tạo hoặc tương tác tập thể. Kỹ năng biểu cảm chưa cao (48,5%) cho thấy SV thường chú trọng kỹ thuật nhưng thiếu yếu tố thẩm mỹ và cảm xúc nghệ thuật.

Khảo sát 334 SV chỉ ra trên 50% còn hạn chế ở kỹ năng phối hợp, biểu cảm và sáng tạo, trong khi khả năng ghi nhớ động tác đạt mức khá. Điều này phản ánh sự thiên lệch của chương trình đào tạo hiện hành và đặt ra yêu cầu cấp thiết phải ứng dụng biện pháp mới trong dạy - học Múa cơ bản, trong đó có việc sử dụng video giảng dạy như một công cụ hỗ trợ hiệu quả.

2.2.4. Nhu cầu của sinh viên khi sử dụng video múa

Nhằm xác định mức độ quan tâm và nhu cầu thực tiễn của SV ngành GDMN đối với việc sử dụng video giảng dạy trong học phần Múa cơ bản, tác giả đã tiến hành khảo sát 334 SV tại Trường Đại học Tây Nguyên thông qua bảng hỏi tự điền. Nội dung khảo sát tập trung vào các khía cạnh: Hiệu quả hỗ trợ học tập, mức độ tạo động lực, sự phù hợp với học trực tuyến và mong muốn về hình thức video.

| STT | Nội dung | Tỉ lệ |
|-----|--|-------|
| 1 | Video giúp quan sát và hiểu kỹ thuật vận động tốt hơn. | 95,7% |
| 2 | Video tăng động lực tự học | 55,5% |
| 3 | Tin rằng video hỗ trợ tốt cho học online hoặc mô hình học kết hợp | 60,1% |
| 4 | Mong muốn video có đầy đủ tiêu đề, hình ảnh minh họa, lồng tiếng, phụ đề và nhạc nền | 82% |
| | Khác | |

Bảng 2: Nhu cầu của SV khi sử dụng video múa

Kết quả cho thấy, 95,7% SV đánh giá video có vai trò quan trọng trong việc quan sát và tiếp thu kỹ thuật vận động, đây là minh chứng rõ ràng cho tính hiệu quả của kênh hình ảnh trong học phần mang tính trình diễn như múa. Điều này phù hợp với đặc trưng học phần Múa cơ bản vốn không thể truyền đạt toàn bộ nội dung qua ngôn ngữ nói hoặc viết. Bên cạnh đó, trên một nửa số SV (55,5%) cho rằng video giúp tăng động lực tự học, cho thấy việc học thông qua hình ảnh động có thể kích thích sự hứng thú, giảm áp lực khi phải nhớ động tác bằng lời. Ngoài ra, 60,1% SV tin rằng video phù hợp để học online hoặc học kết hợp, điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh chuyển đổi số và nhu cầu học tập linh hoạt sau đại dịch. Đáng chú ý, 82,0% SV mong muốn video có cấu trúc đầy đủ (tiêu đề, minh họa, lời thoại, phụ đề, nhạc nền), cho thấy SV không chỉ quan tâm đến nội dung mà còn đề cao yếu tố thẩm mỹ và tính dễ tiếp cận của tài liệu giảng dạy. Điều này đặt ra yêu cầu đối với người thiết kế video cần đầu tư cả về nội dung sư phạm và kỹ thuật trình bày nhằm tối ưu hóa trải nghiệm học tập cho người học.

Kết quả khảo sát bước đầu cho thấy nhu cầu sử dụng video hỗ trợ học múa là rất lớn và có cơ sở thực tiễn vững chắc. Việc thiết kế và tích hợp hệ thống video giảng dạy phù hợp không chỉ giúp SV nắm vững kỹ thuật vận động và nâng cao tính chủ động học tập mà còn đáp ứng xu thế phát triển hiện đại trong đào tạo GVMN.

2.3. Nguyên tắc thiết kế video dạy múa

Việc thiết kế video giảng dạy múa không chỉ đơn thuần là sản xuất nội dung hình ảnh mà cần tuân thủ các nguyên tắc sư phạm để đảm bảo hiệu quả truyền đạt, tính thẩm mỹ và khả năng ứng dụng trong thực tiễn giáo dục. Dựa trên đặc điểm của học phần Múa cơ bản và đối tượng người học là SV ngành GDMN, quá trình thiết kế video cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

2.3.1. Nguyên tắc sư phạm

Nội dung video phải được xây dựng theo đúng mục tiêu học tập của học phần Múa cơ bản, đảm bảo tính hệ thống, logic và phù hợp với năng lực nhận thức - vận động - thẩm mỹ của SV. Các động tác múa được lựa chọn cần có độ khó phù hợp với trình độ người học, có tính ứng dụng cao trong môi trường GDMN. Bên cạnh đó, cách thức trình bày nội dung phải rõ ràng, có dẫn dắt, phân đoạn hợp lý để người học dễ tiếp nhận và luyện tập.

2.3.2. Nguyên tắc thẩm mỹ

Video dạy múa cần có hình ảnh sắc nét, màu sắc hài hòa, bố cục hợp lý và đảm bảo yếu tố thẩm mỹ nghệ thuật. Trang phục biểu diễn, không gian quay và đạo cụ nên được lựa chọn sao cho phù hợp với nội dung múa và đặc trưng văn hóa dân tộc, tạo cảm hứng học tập cho người xem. Hình ảnh, động tác phải thể hiện rõ các đặc điểm kỹ thuật và đường nét tạo hình, tránh rườm rà hoặc gây nhiễu thị giác.

2.3.3. Nguyên tắc khả thi về công nghệ

Nội dung video cần được tối ưu hóa để phù hợp với điều kiện thiết bị của SV, đảm bảo dễ dàng truy cập, tải về hoặc xem trực tuyến trên các thiết bị phổ biến như điện thoại thông minh, máy tính bảng và laptop. Định dạng tệp, độ phân giải và dung lượng cần được tính toán hợp lý để không gây trở ngại về mặt kỹ thuật cho người học. Ngoài ra, nền tảng lưu trữ và chia sẻ video cũng cần đảm bảo ổn định, bảo mật và dễ sử dụng.

2.3.4. Nguyên tắc dễ hiểu và hỗ trợ học tập

Để hỗ trợ quá trình tiếp thu và ghi nhớ của người học, mỗi video cần có hệ thống lời dẫn bằng giọng nói, phụ đề mô tả động tác, nhạc nền đồng bộ với tiết tấu và các hiệu ứng thị giác cần thiết. Các động tác nên được phân tích theo nhịp đếm, lặp lại ở nhiều góc độ hoặc tốc độ khác nhau nhằm tăng khả năng quan sát - bắt chước - luyện tập của SV. Việc tích hợp yếu tố mô tả bằng ngôn ngữ giúp củng cố kiến thức và phù hợp với nhiều phong cách học tập khác nhau.

2.4. Quy trình sáu bước thiết kế video dạy múa

Dựa trên đặc thù của học phần Múa cơ bản cũng như nhu cầu học tập và điều kiện thực tiễn của SV ngành GDMN, việc thiết kế video giảng dạy múa không chỉ là hoạt động kỹ thuật thuần túy mà còn là quá trình kết hợp giữa tri thức chuyên môn, phương pháp sư phạm và ứng dụng công nghệ giáo dục. Để đảm bảo hiệu quả, quá trình này cần tuân thủ một quy trình có hệ thống, khoa học và có khả năng tái sử dụng trong đào tạo. Bài viết đề xuất sáu bước cơ bản như sau:

2.4.1. Xác định mục tiêu học tập

Việc đầu tiên và quan trọng nhất là xác định rõ ràng mục tiêu đầu ra của video. Mục tiêu phải bám sát chương trình đào tạo và định hướng phát triển năng lực của SV. Đối với học phần Múa cơ bản, mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc “*thực hiện đúng động tác*” mà còn bao gồm: *Nắm vững và tái hiện chính xác các kỹ thuật động tác cơ bản; Phát triển khả năng cảm thụ âm nhạc, làm chủ nhịp điệu; Thể hiện động tác với tính thẩm mỹ, cảm xúc và sự biểu đạt cá nhân.*

Theo Nguyễn Hồng Hải: *Biết vận dụng kỹ năng đã học để tổ chức, hướng dẫn trẻ mầm non tham gia hoạt động nghệ thuật một cách sáng tạo và hiệu quả* [4, tr. 45-52].

Các mục tiêu này cần được cụ thể hóa thành chuẩn đầu ra để làm cơ sở cho việc lựa chọn nội dung, xây dựng kịch bản và đánh giá hiệu quả video.

2.4.2. Lựa chọn nội dung phù hợp

Sau khi đã xác định mục tiêu, người thiết kế tiến hành lựa chọn nội dung. Việc lựa chọn cần dựa trên ba tiêu chí chính: - Đúng chương trình đào tạo: Nội dung phải phản ánh kiến thức và kỹ năng mà học phần Múa cơ bản hướng tới; - *Phù hợp với đối tượng người học*: SV ngành GDMN thường không được đào tạo chuyên sâu về biểu diễn múa, do đó các động tác cần có độ khó vừa phải, dễ ghi nhớ, dễ ứng dụng; - Đảm bảo bản sắc văn hóa: Ưu tiên lựa chọn các động tác múa dân gian Việt Nam có giá trị thẩm mỹ, giàu tính biểu tượng, vừa giúp SV học kỹ thuật, vừa tạo ý thức gìn giữ văn hóa truyền thống [6, tr. 33-40].

Đặc biệt, nội dung cần có tính thực tiễn cao, dễ áp dụng trong hoạt động văn nghệ, trò chơi hay chương trình lễ hội tại trường mầm non.

2.4.3. Xây dựng kịch bản chi tiết

Kịch bản là “xương sống” của video, bởi một kịch bản tốt sẽ giúp cho quá trình quay - dựng thuận lợi và mang lại sản phẩm chất lượng. Trong kịch bản cần thể hiện rõ: Tên và ý nghĩa của động tác; Yêu cầu kỹ thuật: tư thế chuẩn bị, cách thực hiện, lưu ý những lỗi thường gặp; Nhịp đếm chi tiết và cách kết hợp với âm nhạc; Phần trình diễn mẫu của giảng viên hoặc nghệ sĩ; Phần nhạc nền minh họa (chọn bài phù hợp với phong cách và nội dung động tác).

Ngoài ra, kịch bản cần chia thành các phân đoạn logic (ví dụ: giới thiệu - hướng dẫn - luyện tập - biểu diễn) với thời lượng hợp lý (mỗi phân đoạn từ 2-5 phút) để tránh gây quá tải cho người học, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc tự học và luyện tập theo video.

2.4.4. Quay video minh họa

Ở giai đoạn này, yếu tố kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên sự trực quan. Một số yêu cầu cần đảm bảo: - *Hình ảnh rõ nét*: Sử dụng máy quay chuyên dụng hoặc thiết bị di động có độ phân giải cao, ánh sáng đủ và nền trung tính để làm nổi bật động tác; - *Góc quay đa dạng*: Quay ở nhiều góc độ (toàn thân để quan sát tổng thể; nửa thân để nhấn mạnh phần trên hoặc dưới cơ thể; cận cảnh để làm rõ chi tiết động tác tay/chân); - *Không gian và trang phục*: Người biểu diễn nên mặc trang phục đơn giản, ôm gọn cơ thể để làm rõ động tác. Không gian ghi hình cần yên tĩnh, sạch sẽ, tránh yếu tố gây phân tán sự chú ý. Việc quay có thể tiến hành nhiều lần, sau đó chọn bản tốt nhất để đưa vào biên tập.

2.4.5. Dựng và biên tập video

Đây là công đoạn “hậu kỳ” để biến tư liệu thô thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Các thao tác cơ bản gồm: Cắt ghép, sắp xếp phân cảnh theo kịch bản; Chỉnh màu, ánh sáng và âm thanh để tăng tính thẩm mỹ; Chèn nhạc nền, lời dẫn (voice-over) hoặc phụ đề mô tả nhịp đếm, lưu ý kỹ thuật; Thêm hiệu ứng chuyển cảnh, hình ảnh minh họa để tăng tính hấp dẫn mà vẫn đảm bảo sự mạch lạc. Mục tiêu của bước này là tạo ra video vừa sinh động, hấp dẫn, vừa khoa học, dễ hiểu, hỗ trợ tối đa cho người học trong quá trình tự luyện tập.

2.4.6. Thẩm định chuyên môn và hoàn thiện sản phẩm

Trước khi đưa video vào giảng dạy chính thức cần có sự thẩm định từ hội đồng chuyên môn. Quy trình thẩm định bao gồm: Giảng viên phụ trách học phần đánh giá mức độ phù hợp với mục tiêu đào tạo; Chuyên gia múa hoặc biên đạo kiểm tra độ chính xác về kỹ thuật động tác; Nhóm phản biện (có thể gồm cả SV) góp ý về mức độ dễ hiểu, tính trực quan và khả năng ứng dụng; Dựa trên phản hồi, nhóm thiết kế tiến hành chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm cả về nội dung lẫn hình thức. Chỉ sau khi đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, sư phạm và chuyên môn, video mới được đưa vào kho học liệu chính thức để giảng dạy và tự học [2, tr. 113].

Như vậy, quy trình sáu bước thiết kế video dạy múa không chỉ đảm bảo tính logic, khoa học mà còn chú trọng đến đặc thù của SV ngành GDMN, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời tạo ra sản phẩm học liệu số có tính ứng dụng và giá trị lâu dài.

Xem tiếp trang 56